

NỘI DUNG CÁC BÀI LAB

CHƯƠNG 5, 6: DỊCH VỤ MẠNG VÀ QUẢN TRỊ MẠNG

(WINDOWS SERVER, LINUX)

Chuẩn bị:

Dùng phần mềm ảo hóa VMWare, PCVirtual.... Dựng 1 mạng LAN gồm:

- 1 hoặc 2 Server Windows Server 2012 hoặc Linux: có 1 IP tĩnh → dùng để cài đặt và cấu hình các dịch vụ
- 1 Client Windows 8 hoặc Ubuntu: cùng mạng (cùng Switch VMNet) với Server, có IP tĩnh hoặc động (động do Server cấp) → Dùng để test các dịch vụ do Server cung cấp

Đảm bảo Server – Client đã kết nối: ping <IP>

Lab 1: DNS, DHCP

Phần routing RRAS – tự đọc (trong phần routing) để làm DHCP Relay Agent

1. Dịch vụ DHCP: 2 kịch bản

- a. Cài đặt dịch vụ DHCP. Tạo scope, superscope
Kiểm tra việc cấp IP của DHCP Server tại client (cùng mạng)
- b. Cấu hình DHCP Relay Agent, (trên 1 Server khác)
Kiểm tra việc cấp IP cho 1 client nằm khác mạng với DHCP Server

2. Dịch vụ DNS: 3 kịch bản

- a. Cài đặt dịch vụ DNS trên Server DNS chính.
 - o Tạo Forward Lookup Zone. Tạo Reverse Lookup Zone.
 - o Tạo Resource Record (RR). A, CNAME, NS, PTR
 - o Kiểm tra hoạt động dịch vụ DNS, dùng client với nslookup để phân giải các bản ghi.
- b. Tạo DNS server quản lý miền con:
 - o Tạo miền con (Subdomain) trên Server DNS chính.
 - o Ủy quyền việc phân giải miền con cho 1 DNS Server khác quản lý miền con (1 Server DNS khác).
 - o Kiểm tra kết quả phân giải miền con tại client (cho kết quả non-authoritative khi trở đến DNS server chính)
- c. Tạo Server DNS secondary khác – bản dự phòng của Server DNS chính.
 - o Kiểm sự đồng bộ dữ liệu các bản ghi của Server DNS chính và secondary
 - o Tắt Server DNS chính, tại client kiểm tra phân giải các bản ghi

Lab 2: FTP, Web

1. Dịch vụ FTP: 3 kịch bản

- a. Tạo mới FTP site, Virtual Directory.
 - Test client (Dùng 1 phần mềm FTP client bất kì như windows explore, web browser)
- b. Cấu hình bảo mật cho FTP Site:
 - Authentication – xác thực: tạo local user để đăng nhập vào
 - Authorization - Phân quyền: phân quyền đọc/ghi cho các user
 - Kiểm tra xác thực và phân quyền tại FTP client
- c. Tạo nhiều FTP Site dựa vào IP, port (add thêm IP cho NIC)
 - Kiểm tra tại Client

2. Dịch vụ Web: 3 kịch bản

- a. Tạo mới Website, Virtual Directory.
 - Test client (Dùng web browser)
- b. Cấu hình bảo mật cho WebSite:
 - Authentication - Xác thực: tạo local user để đăng nhập vào (basic, windows)
 - Restriction: Hạn chế truy xuất web với một số IP của client
 - Kiểm tra xác thực và hạn chế truy xuất tại webclient
- c. Tạo nhiều Web Site dựa vào địa chỉ IP, Port, hostname
 - Kiểm tra tại Client

Lab 3: Mail Server, Mail Client

1. Dịch vụ mail server – chọn bất kì, ví dụ Deamon (2 kịch bản)

- a. Cài đặt dịch vụ và cấu hình dịch vụ Mail Server
 - Tạo tài khoản mail.
 - Cấu hình mail client (outlook express, webmail)
 - Kiểm tra việc gửi nhận mail giữa các account
- b. Tìm hiểu thêm một số chức năng khác của Mail server:
 - Filter: lọc email theo một số yêu cầu: kích thước mail, file đính kèm, tiêu đề....
 - Antispam

Lab 4: Domain Controller, OU

1. Dựng Domain controller (DC master):

- a. Trên máy Server với domain là NAME.COM (lấy tên SV)
- b. Kiểm tra tại client: cấu hình IP cho Client, cho client gia nhập domain.

2. Tổ chức hệ thống OU và ủy quyền quản trị (Delegate) OU:

- a. Xây dựng cấu trúc OU, phân bổ các user account và group account.
- b. Ủy quyền cho 1 user là Manager của 1 OU thực hiện quản trị một phần trách nhiệm như reset password của các user trong OU đó

- c. Kích hoạt bộ cài đặt Remote Server Administration Tool để quản trị user từ xa
 - d. Kiểm tra tại client: login với user được ủy quyền manager OU, thực hiện reset 1 password của user
3. Dựng máy Server Domain Controller đồng hành:
- a. Dựng máy server DC thứ 2 (đồng hành với DC master ở mục 1)
 - b. Thay đổi dữ liệu AD, kiểm tra sự đồng bộ dữ liệu giữa 2 server DC
- Mở rộng:** có thể làm hoặc không
- c. Chuyển role của server DC thứ 2 thành Master. Kiểm tra hoạt động.
 - d. Backup – Restore AD:
 - Backup AD sẵn, lưu lại
 - Thay đổi, xóa OU, Account
 - Restore toàn bộ account, OU (**Non Authoritative restore**)
 - Restore một phần account, OU (**Authoritative restore**)
4. Account Manager
- a. Tạo Home Directory cho Domain User
 - b. Tạo Roaming Profile cho Domain User

Lab 5: GPO, Access Manage

1. Thực hành thiết lập GPO:
- a. Basic: thiết lập cho của các User nằm trong 1 OU:
 - Làm mất Control Panel.
 - Mất biểu tượng Recycle Bin trên Desktop
 - Ẩn biểu tượng My Network Places và My Computer trên Desktop
 - Kiểm tra tại client: login với 1 user, kiểm tra các thiết lập trên
 - b. Áp dụng Logon Scripts trên Group Policy đối với các User nằm trong OU
 - c. Triển khai phần mềm (Deploy Software) cho các User nằm trong OU
 - d. Định hướng lại thư mục My Document cho các User
 - e. Kiểm toán (Audit)
 - f. Ngăn chặn sử dụng ứng dụng (Software restriction)
2. Quản lý truy xuất tài nguyên
- a. Gán quyền truy xuất.
 - b. Chia sẻ dữ liệu cục bộ giữa các máy trong workgroup
 - c. Chia sẻ dữ liệu cho các users trên môi trường mạng có Domain. Kết hợp NTFS Share và Folder Share.